

Số: 172/QĐ-UBND

Rạch Giá, ngày 21 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp**  
**theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;*

*Căn cứ xác nhận của Chủ tịch UBND thành phố Rạch Giá về việc hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực;*

*Theo đề nghị của Ban chỉ đạo ISO thành phố.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND thành phố Rạch Giá phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Thủ trưởng các phòng, ban ngành thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lhc*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- CT và các PCT UBND TP;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- BCĐ ISO TP;
- UBND các phường, xã;
- Lưu: VT.



*Bùi Trung Chức*

**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**  
**TCVN ISO 9001:2015 TẠI UBND THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~172~~ /QĐ-UBND ngày ~~21~~ tháng 10 năm 2020  
của Chủ tịch UBND thành phố)

STT	TÊN QUY TRÌNH	MÃ HIỆU
<b>A</b>	<b>MÔ HÌNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG</b>	
1	Chính sách chất lượng	CSCL
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL
3	Tổng hợp phân tích bối cảnh và quản trị rủi ro	PTBC&RR
<b>B</b>	<b>CÁC QUY TRÌNH HỆ THỐNG</b>	
1	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	HD.01
2	Hướng dẫn quản lý rủi ro, cơ hội	HD.02
3	Hướng dẫn Đánh giá nội bộ	HD.03
4	Hướng dẫn Kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD.04
5	Quy trình xem xét lãnh đạo	HD.BCĐ.01
<b>C</b>	<b>CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ</b>	
1	Quản lý văn bản đi và văn bản đến	QT.VP.01
2	Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính	QT.VP.02
<b>D</b>	<b>CÁC QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	
<b>I. Ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn</b>		
<b>1. Lĩnh vực Nông nghiệp</b>		
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	QT.NN.01
<b>2. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn</b>		
1	Hỗ trợ dự án liên kết	QT.KTHT&PTNT.01
2	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện. trong tỉnh	QT.KTHT&PTNT.02
3	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	QT.KTHT&PTNT.03
<b>3. Lĩnh vực Thủy lợi</b>		
1	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT.TL.01
2	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.	QT.TL.02
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	QT.TL.03
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	QT.TL.04
5	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND cấp huyện phê duyệt)	QT.TL.05
<b>4. Lĩnh vực Thủy sản</b>		

1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.TS.01
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.TS.02
3	Công bố mở căng cá loại 3	QT.TS.03

## II. Ngành Giáo dục và Đào tạo

### 1. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

1	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT.GD&ĐT.01
2	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GD&ĐT.02
3	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT.GD&ĐT.03
4	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT.GD&ĐT.04
5	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT.GD&ĐT.05
6	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GD&ĐT.06
7	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GD&ĐT.07
8	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư	QT.GD&ĐT.08
9	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.GD&ĐT.09
10	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT.GD&ĐT.10
11	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT.GD&ĐT.11
12	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT.GD&ĐT.12
13	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT.GD&ĐT.13
14	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT.GD&ĐT.14
15	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GD&ĐT.15
16	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT.GD&ĐT.16
17	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.GD&ĐT.17
18	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT.GD&ĐT.18
19	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GD&ĐT.19
20	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT.GD&ĐT.20
21	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	QT.GD&ĐT.21
22	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GD&ĐT.22
23	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở	QT.GD&ĐT.23
24	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	QT.GD&ĐT.24
25	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT.GD&ĐT.25
26	Quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã	QT.GD&ĐT.26
27	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT.GD&ĐT.27
28	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.	QT.GD&ĐT.28

29	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người.	QT.GD&ĐT.29
30	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GD&ĐT.30
31	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GD&ĐT.31
<b>III. Ngành Xây dựng</b>		
<b>1. Lĩnh vực hoạt động xây dựng</b>		
1	Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật/báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; khoản 5, Điều 1, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP).	QT.XD.01
2	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP).	QT.XD.02
3	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh	QT.XD.03
4	Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	QT.XD.04
5	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	QT.XD.05
6	Cấp giấy phép di dời công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	QT.XD.06
7	Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	QT.XD.07
8	Gia hạn đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	QT.XD.08
9	Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	QT.XD.09

<b>2. Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc</b>		
1	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.	QT.QHKT.01
2	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.	QT.QHKT.02
3	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.	QT.QHKT.03
4	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.	QT.QHKT.04
5	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.	QT.QHKT.05
6	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.	QT.QHKT.06
7	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.	QT.QHKT.07
8	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.	QT.QHKT.08
9	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.	QT.QHKT.09
10	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý	QT.QHKT.10
11	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, thị trấn.	QT.QHKT.11
12	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, thị trấn.	QT.QHKT.12
<b>3. Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật</b>		
1. Cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh		QT.HTKT.01
<b>IV. Ngành Tài nguyên và Môi trường</b>		
<b>1. Lĩnh vực đất đai</b>		
1	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QT.ĐĐ.01
2	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT.ĐĐ.02
3	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT.ĐĐ.03

4	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT.ĐĐ.04
5	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT.ĐĐ.05
6	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT.ĐĐ.06
7	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT.ĐĐ.07
8	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.	QT.ĐĐ.08
9	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.	QT.ĐĐ.09
<b>2. Lĩnh vực Môi trường</b>		
1	Đăng ký/ Đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	QT.MT.01
2	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QT.MT.02
<b>V. Ngành Công Thương</b>		
<b>1. Lĩnh vực Lưu Thông hàng hóa trong nước</b>		
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHH.01
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHH.02
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHH.03
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHH.04
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHH.05
6	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHH.06
7	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.LTHH.07
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.LTHH.08
9	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.LTHH.09
10	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHH.10
11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHH.11
12	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHH.12
<b>2. Lĩnh vực Kinh doanh khí</b>		
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.01
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.02
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.03

<b>3. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương</b>		
1	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	QT.CNDP.01
<b>VI. Ngành Thông tin và Truyền thông</b>		
<b>1. Lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử</b>		
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.TTĐT.01
2	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.TTĐT.02
3	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.TTĐT.03
4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.TTĐT.04
<b>2. Lĩnh vực xuất bản, in và phát hành</b>		
1	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT.XB&IN.01
2	Khai báo thay đổi thông tin cơ sở dịch vụ photocopy	QT.XB&IN.02
<b>VII. Ngành Văn hóa, thể thao và du lịch</b>		
<b>1. Lĩnh vực Văn hóa</b>		
1.1 Văn hóa cơ sở		
1	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	QT.VH.01
2	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	QT.VH.02
3	Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	QT.VH.03
4	Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT.VH.04
5	Thủ tục công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT.VH.05
6	Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT.VH.06
7	Thủ tục công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT.VH.07
8	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	QT.VH.08
9	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	QT.VH.09
10	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	QT.VH.10
11	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	QT.VH.11
1.2 Thư viện		
12	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	QT.VH.12
1.3 Gia đình		
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT.VH.13

14	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT.VH.14
15	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình(thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT.VH.15
16	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT.VH.16
17	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT.VH.17
18	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT.VH.18
<b>VIII. Ngành Lao động- Thương binh và Xã hội</b>		
<b>1. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>		
1	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT.BTXH.01
2	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT.BTXH.02
3	Cấp lại, điều chỉnh Giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có Giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	QT.BTXH.03
4	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT.BTXH.04
5	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT.BTXH.05
6	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	QT.BTXH.06
<b>2. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</b>		
1	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	QT.PCTNXH.01
2	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	QT.PCTNXH.02
<b>3. Lĩnh vực Người có công</b>		
1	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.NCC.01
2	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	QT.NCC.02
3	Lập sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	QT.NCC.03
4	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT.NCC.04
<b>4. Lĩnh vực Lao động tiền lương</b>		
1	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19	QT.LĐTL.01
2	Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động phải ngừng việc do đại dịch COVID-19	QT.LĐTL.02
3	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	QT.LĐTL.03
4	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT.LĐTL.04
<b>5. Lĩnh vực Trẻ em</b>		



1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.TE.01
2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.TE.02
<b>IX. Ngành Nội vụ</b>		
<b>1. Lĩnh vực Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập</b>		
1	Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT.TCPCP.01
2	Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT.TCPCP.02
3	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT.TCPCP.03
<b>2. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng</b>		
1	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT.TĐKT.01
2	Thủ tục tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến	QT.TĐKT.02
3	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình	QT.TĐKT.03
4	Thủ tục tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở	QT.TĐKT.04
5	Thủ tục tặng danh hiệu lao động tiên tiến	QT.TĐKT.05
6	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT.TĐKT.06
7	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	QT.TĐKT.07
8	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	QT.TĐKT.08
<b>3. Lĩnh vực Tín ngưỡng, Tôn giáo</b>		
1	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	QT.TNTG.01
2	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT.TNTG.02
3	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT.TNTG.03
4	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT.TNTG.04
5	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT.TNTG.05
6	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT.TNTG.06
7	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT.TNTG.07
8	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.	QT.TNTG.08
<b>4. Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ</b>		
1	Thủ tục thành lập hội	QT.TCPCP.01
2	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	QT.TCPCP.02
3	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT.TCPCP.03
4	Thủ tục đổi tên hội	QT.TCPCP.04
5	Thủ tục hội tự giải thể	QT.TCPCP.05

<b>X. Ngành Giao thông vận tải</b>		
<b>1. Lĩnh vực Đường thủy nội địa</b>		
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chèo từ 05 người đến 12 người).	QT.ĐTND.01
2	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chèo từ 05 người đến 12 người).	QT.ĐTND.02
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chèo từ 05 người đến 12 người).	QT.ĐTND.03
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chèo từ 05 người đến 12 người).	QT.ĐTND.04
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chèo từ 05 người đến 12 người).	QT.ĐTND.05
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chèo từ 05 người đến 12 người).	QT.ĐTND.06
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chèo từ 05 người đến 12 người).	QT.ĐTND.07
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chèo từ 05 người đến 12 người).	QT.ĐTND.08
9	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chèo từ 05 người đến 12 người).	QT.ĐTND.09
<b>XI. Ngành Tài chính</b>		
<b>1. Lĩnh vực Tài chính ngân sách</b>		
1	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với dự án hoàn thành, hạng mục công trình độc lập hoàn thành, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu	QT.TCNS.01
2	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển (nếu có); dự án dừng thực hiện vĩnh viễn không có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu	QT.TCNS.02
<b>XII. Ngành Thanh tra</b>		
<b>1. Lĩnh vực Khiếu nại tố cáo</b>		
1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	QT.KNTC.01

2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	QT.KNTC.02
3	Thủ tục giải quyết tố cáo	QT.KNTC.03
4	Thủ tục tiếp công dân	QT.KNTC.04
5	Thủ tục xử lý đơn	QT.KNTC.05
<b>2 Lĩnh vực: Phòng chống tham nhũng</b>		
1	Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	QT.PCTN.01
2	Thủ tục công khai bán kê khai tài sản, thu nhập	QT.PCTN.02
3	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	QT.PCTN.03
4	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT.PCTN.04
5	Thủ tục thực hiện việc giải trình	QT.PCTN.05
<b>XIII. Ngành Tư pháp</b>		
<b>1. Lĩnh vực Hộ tịch</b>		
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.HT.01
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.HT.02
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.HT.03
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.HT.04
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.HT.05
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.HT.06
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.HT.07
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.HT.08
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.HT.09
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.HT.10
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT.HT.11
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.HT.12
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT.13
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.HT.14
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.HT.15
16	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.HT.16
<b>2. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>		
1	Thủ tục phục hồi danh dự	QT.BTNN.01
2	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	QT.BTNN.02
<b>3. Lĩnh vực Chứng thực</b>		
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT.CT.01

2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.CT.02
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	QT.CT.03
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.CT.04
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.CT.05
6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.CT.06
7	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.CT.07
8	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.CT.08
9	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT.CT.09
10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT.CT.10
11	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT.CT.11
<b>4. Lĩnh vực Hòa giải cơ sở</b>		
1	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT.HGCS.01
<b>5. Lĩnh vực Đăng ký Biện pháp bảo đảm</b>		
1	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)	QT.BPBD.01
2	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	QT.BPBD.02
3	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	QT.BPBD.03
4	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	QT.BPBD.04
5	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	QT.BPBD.05
6	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	QT.BPBD.06
7	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QT.BPBD.07
8	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	QT.BPBD.08
9	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QT.BPBD.09
<b>XIV. Ngành Kế hoạch và Đầu tư</b>		
<b>1. Lĩnh vực Thành lập hoạt động kinh doanh</b>		
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT.HKD.01
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT.HKD.02
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT.HKD.03
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.HKD.04
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT.HKD.05
<b>2. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hợp tác xã</b>		

1	Đăng ký thành lập hợp tác xã	QT.HTX.01
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.HTX.02
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT.HTX.03
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.HTX.04
5	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT.HTX.05
6	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT.HTX.06
7	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT.HTX.07
8	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT.HTX.08
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT.HTX.09
10	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT.HTX.10
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT.HTX.11
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT.HTX.12
13	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.HTX.13
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.HTX.14
15	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	QT.HTX.15
16	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT.HTX.16